

KT3-07674AHO4/8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

13/11/2024

Page 01/03

1. Tên mẫu : TINH DẦU HỮU CƠ CỎ HƯƠNG BÀI MADAGASCAR - 2024110401
Name of sample ORGANIC MADAGASCAR VETIVER ESSENTIAL OIL - 2024110401
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu
Description do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer,
sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu dạng lỏng, đựng trong chai thủy tinh.
The liquid is contained in the glass bottle.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 04/11/2024
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 05/11/2024 – 13/11/2024
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN LE RUSTIQUE VIỆT NAM
Customer Tầng 3 tòa nhà Thái Dương, 278 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung,
Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/03 – 03/03
Test result See page 02/03 – 03/03

TL. PHỤ TRÁCH PTN HÓA
PP. HEAD OF CHEMICAL TESTING LAB.



Lê Thị Ngọc Phi

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-07674AHO4/8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

13/11/2024

Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm/ Test result :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1. Thành phần đơn hương (+), Flavor composition	QUATEST3 1024:2022 - (GC/MS)		-
▪ α-Bergamotene		0,3	
▪ X ₁		0,7	
▪ X ₂		0,8	
▪ β-Ylangene		1,0	
▪ X ₃		1,1	
▪ X ₄		2,8	
▪ X ₅		3,0	
▪ α-Murolene		4,9	
▪ X ₆		1,8	
▪ X ₇		2,9	
▪ X ₈		4,3	
▪ δ-Cadinene		1,6	
▪ X ₉		0,7	
▪ β-Gurjunene		1,5	
▪ X ₁₀		0,8	
▪ X ₁₁		1,8	
▪ β-Vatirenene		6,7	
▪ X ₁₂		1,2	
▪ X ₁₃		0,9	
▪ X ₁₄		1,1	
▪ X ₁₅		0,6	
▪ X ₁₆		0,9	
▪ X ₁₇		3,2	
▪ X ₁₈		10,5	
▪ X ₁₉		2,1	
▪ X ₂₀		1,4	
▪ X ₂₁		2,6	
▪ X ₂₂		6,7	
▪ X ₂₃		1,6	
▪ X ₂₄		1,2	
▪ X ₂₅		1,6	
▪ X ₂₆		2,4	
▪ X ₂₇		11,1	
▪ X ₂₈		1,0	
▪ X ₂₉		4,2	
▪ X ₃₀		2,4	
▪ X ₃₁		2,2	
▪ X ₃₂		1,5	
▪ X ₃₃		2,9	

Ghi chú/ Notice: (+) Phần trăm diện tích peak của các hợp chất hữu cơ bay hơi

Percent of peak area of evaporated organic compounds.

X₁ đến X₃₃ là cấu tử chưa định danh được/ X₁ to X₃₃ are unidentifiable component

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

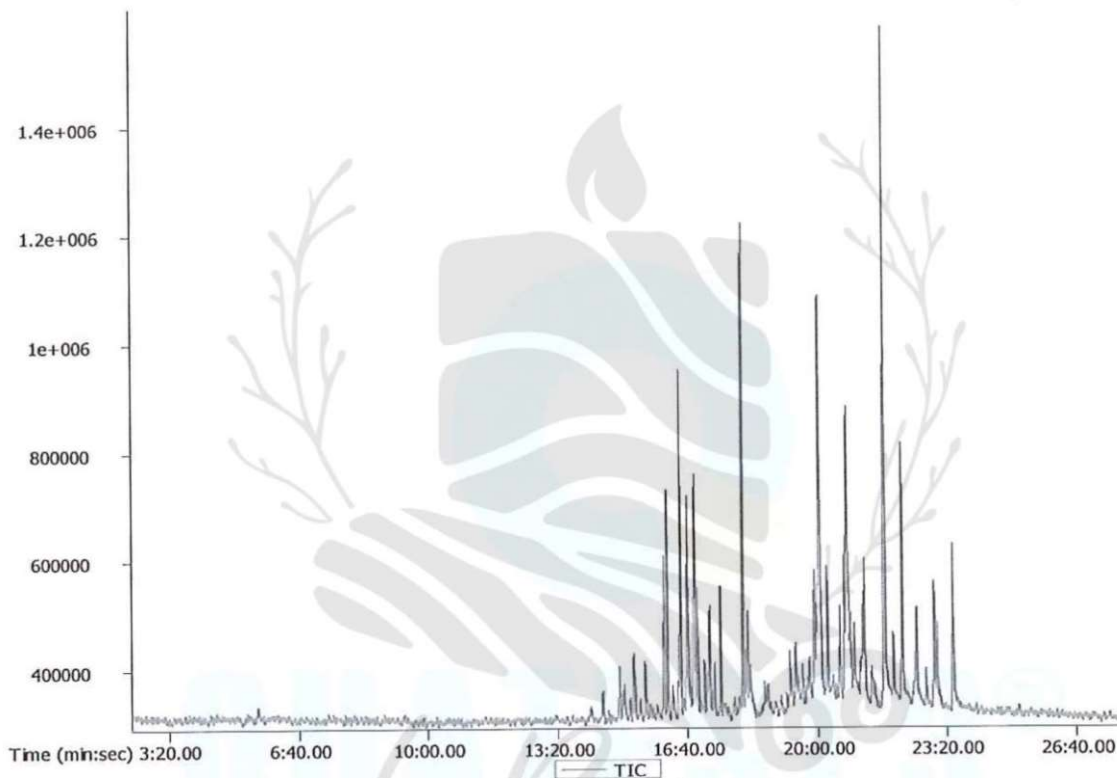
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-07674AHO4/8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

13/11/2024

Page 03/03



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KẾT QUẢ KIỂM TRA CỦA NHÀ SẢN XUẤT Ở MADAGASCAR

ANALYSIS METHOD AND OPERATING CONDITION

Sample type: essential oil – State upon reception: ok – Seal: Packed 10ml
 Capillary column, BP5 (30 m x 0.32mm x 0.5 µm)
 Oven: 60°C (4.5 min) to 230°C (3°C/min) – Detector temperature (FID): 280°C – Injector temperature: 260°C
 Carrier gas: Nitrogen U – Flow rate: 3ml/min – Volume injected: 1µl – Calculation of contents: Percentage of areas

RESULT IN AREA PERCENTAGE

Compound	Value (%)	Value from Europe client Standard	
		Minimum	Maximum
α-Vetivone	5,73	3,70	21,10
Acide zizanoïque	3,20	2,10	5,00
Others	-	-	-
Valencenol	5,42	2,00	6,30
Nootkatone	3,73	0,30	2,00
Vetiverol	12,45	10,10	20,20
Vetiselinol	3,23	0,80	4,50
Khusiol	3,62	-	-
Valerianol	1,54	0,90	3,60
Khusimal	-	-	-
T-Muurolol	3,88	-	-
Khusimone	5,10	-	-
β-Calacorene	3,27	-	-
β-Vetivenene	6,58	2,10	10,60
α-Calacorene	0,56	-	-
Trans-calamenene	1,79	-	-
β-Caryophyllene	1,84	0,40	2,50
Nootkatene	4,10	-	-

(1) LCP Laboratory: limit values of the results already found in the laboratory given as an indication for use by the customer.

(2) Values found in the literature for vetiver bourbon from Madagascar.